zuàn jǐng

钻井

verb-object phrase · drilling a well

Example Sentences

Gōng rén men zhèng zài zuàn jǐng qǔ shuǐ
工 人 们 正 在 钻 井 取 水 。

The workers are drilling a well to get water.

Zuàn jǐng shè bèi xū yào dìng qī wéi hù
钻 井 设 备 需 要 定 期 维 护 。

Drilling equipment needs regular maintenance.

Trace each character, then write the word on your own.

钻 钻 钻 钻 钻 钻 钻 钻 钻 钻 钻
钻 钻

井 井 井 井 井 井 井